



GIÁO TRÌNH

Tiếng Hoa sơ cấp

Modern Chinese - Beginner's Course

Hoa - Anh - Việt

初
級
汉
语
课
本



MỚI
NHẤT

SP

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ VĂN HÓA BẮC KINH

GIÁO TRÌNH TIẾNG HOA SƠ CẤP

1

Biên dịch và soạn bổ sung: Vũ Lê Anh

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

GIÁO TRÌNH

Tiếng Hoa sơ cấp

Modern Chinese - Beginner's Course

Hoa - Anh - Việt

初
級
汉
语
课
本

MỚI
NHẤT

SP

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Lời nói đầu

Bộ "Giáo trình tiếng Hoa sơ cấp" (Sơ cấp Hán ngữ khoá bản) được biên soạn cho người nước ngoài mới bắt đầu học tiếng Hán. Giáo trình gồm có 3 tập. Quy tắc của người biên soạn: vận dụng trong thực tế, đơn giản-để hiểu, thú vị. Bộ giáo trình này bao gồm nhiều chất liệu ngôn ngữ học viên cần có; học xong có thể sử dụng trong cuộc sống thực tế; được sắp xếp theo các hiện tượng ngôn ngữ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Phần giải thích xuất phát từ thực tế của học viên rất đơn giản và rõ ràng. Ngoài ra, tính thú vị của bộ giáo trình là điều đáng chú ý. Người biên soạn đã rất cố gắng để có thể kích lệ lòng hăng say học tập của học viên.

Xin được giới thiệu khái quát về các mục trong tập 1 và tập 2 của bộ giáo trình:

1. TỪ MỚI: tập 1 và tập 2 với lượng từ mới khoảng 1.200 từ, trung bình mỗi bài khoảng 15 từ. Sau mỗi tập đều có bảng từ vựng. Các từ mới đều có chữ Hán, phiên âm, từ loại, âm Hán-Việt, nghĩa tiếng Việt và tiếng Anh. Để học viên có thể hiểu đúng nghĩa của từ và cách sử dụng, một số từ không chỉ có nghĩa dịch mà còn được chú thích. Dù vậy, học viên cần chú ý, ý nghĩa giải thích của tiếng Anh chỉ là ý nghĩa giải thích từ tiếng Hán trong một hoàn cảnh nào đó; không nên dựa vào giải thích bằng tiếng Anh để giải nghĩa từ cũng như cách sử dụng của từ.

2. BÀI ĐỌC: Nội dung bài đọc để cập nhiều mặt trong cuộc sống học tập ở trường và cuộc sống xã hội. Người biên soạn cố gắng sắp xếp chất liệu ngôn ngữ trong môi trường ngôn ngữ điển hình, làm cho ngôn ngữ tự nhiên, sinh động và đặc biệt giới thiệu phong tục - tập quán - văn hoá của Trung Quốc. Những điểm này đều giới hạn ở trình độ mà người mới bắt đầu học có thể hiểu được.

Sau một số bài đọc có kèm theo phần chú thích. Phần này gồm:

(1) cách biểu đạt tập quán liên quan tới văn hoá Trung Quốc; (2) các hiện tượng ngôn ngữ tương đối khó và chưa cần thiết nắm bắt ở giai đoạn sơ cấp; (3) những cách nói thường dùng trong khẩu ngữ.

3. NGŨ ÂM: tập 1 và tập 2 có những bài tập tương đối toàn diện về ngữ âm. Ngoài nội dung phương án phiên âm tiếng Hán mà các giáo trình tiếng Hán thông thường giới thiệu ra, giáo trình này còn trình bày thêm một số điểm đặc biệt của ngữ âm tiếng Hán và những điểm người bắt đầu học khó nắm bắt.

(1) Thanh mẫu, vận mẫu: Giáo trình này tăng cường thêm đặc điểm phát âm của vận mẫu phức.

(2) Thanh điệu: bốn thanh điệu trong tiếng Hán là điểm khó về ngữ âm mà người nước ngoài thường gặp. Để giải quyết vấn đề này, người biên soạn đã sắp xếp nhiều bài tập. Khi đọc liến các thanh điệu, người biên soạn đã tăng thêm một số cụm từ, đoạn ngữ trong câu để học viên không chỉ có những khái niệm về từ đa âm tiết mà còn chú ý đến cách đọc liến các thanh điệu trong cụm từ, đoạn ngữ. Điều này rất quan trọng đối với biến âm của các thanh điệu. Bên cạnh đó, giáo trình này cũng sử dụng những biểu đồ thanh điệu tượng hình.

(3) Trọng âm và ngữ điệu: người nước ngoài khi học tiếng Hán, ngoài những âm khó và thanh điệu khó ra, cũng thường mắc lỗi về trọng âm và ngữ điệu. Sau việc khắc phục những âm khó và thanh điệu khó, trọng âm và ngữ điệu là trở ngại chính khiến ngữ âm khó có thể tiếp tục nâng cao. Giáo trình này giới thiệu đặc điểm trọng âm trong tiếng Hán, đồng thời cung cấp một lượng bài tập nhất định.

Ngữ âm chiếm một vị trí quan trọng trong việc học ngoại ngữ, bài tập ngữ âm nằm trọn trong tập 1, tập 2 - giai đoạn cơ sở.

4. NGŨ PHÁP: bộ giáo trình này gồm những đặc điểm ngữ pháp cơ bản của tiếng Hán, Sắp xếp từ dễ đến khó. Việc giải thích ý nghĩa các hiện tượng ngữ pháp đơn giản-rõ ràng; áp dụng công thức ngữ pháp học viên

nước ngoài quen thuộc để làm nổi bật các đặc điểm hình thức ngữ pháp; đồng thời giải thích các chức năng trong sử dụng thực tế.

5. **BÀI TẬP:** gồm các bài tập về ngữ âm, ngữ pháp, loại hình câu. Bài tập ngữ âm làm nổi bật các âm khó, thanh điệu khó; từng bước chuyển dần với các bài tập trọng âm, ngữ điệu kết hợp với mẫu câu trong bài.

6. **HƯỚNG DẪN VIẾT CHỮ HÁN:** đây là phần soạn bổ sung của người biên dịch nhằm giúp học viên nắm bắt các bộ thủ chữ Hán và biết cách viết chúng theo quy tắc nét bút thuận. (Đánh số theo mục từ mới từng bài.)

⇒ Khi biên dịch và soạn bổ sung "**Giáo trình tiếng Hoa sơ cấp**" do Nhà xuất bản Trường Đại học ngôn ngữ và văn hoá Bắc Kinh cùng với nhà xuất bản Giáo dục Hoa ngữ liên kết xuất bản (**PHIÊN BẢN MỚI NHẤT - ÁN BẢN LẦN THỨ 2 VÀO NĂM 2002**), xuất phát từ mối liên hệ giữa tiếng Hán và tiếng Việt, người biên dịch bổ sung thêm phần âm Hán-Việt vào phần từ mới của từng bài và một số thông tin hữu ích cho học viên như Bài mở đầu- **CHỮ HÁN VÀ VĂN TỰ HÁN, GIỚI THIỆU VÀ PHÂN TÍCH BỘ THỦ CHỮ HÁN, ĐÁP ÁN BÀI TẬP, (PHẦN DỊCH TIẾNG VIỆT Ở TẬP 2/ TẬP 3).**

Do thời gian chuẩn bị chưa nhiều nên việc biên dịch không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp, học viên, để bộ sách ngày càng được hoàn thiện hơn.

Người biên dịch
Vũ Lê Anh

目录 MỤC LỤC

MỤC LỤC Contents

* BÀI MỞ ĐẦU: CHỮ HÁN VÀ VĂN TỰ HÁN	25
PHỤ LỤC 1: MỤC LỤC BỘ	39
PHỤ LỤC 2: GIỚI THIỆU VÀ PHÂN TÍCH CÁC BỘ THỦ CHỮ HÁN	41
PHỤ LỤC 3: KẾT CẤU CHỮ HÁN VÀ VỊ TRÍ CÁC BỘ THỦ	68
PHỤ LỤC 4: CHỌN VỊ TRÍ CÁC BỘ THỦ	78

Xin giới thiệu cấu trúc của từng bài trong cuốn "Giáo trình tiếng Hoa sơ cấp tập 1":

一、生词	Shēngcí	TỪ MỚI	NEW WORDS
二、课文	Kèwén	BÀI ĐỌC	TEXT
注释	Zhùshì	CHÚ THÍCH	NOTES
三、语音	Yúyīn	NGỮ ÂM	PHONETICS
四、语法	Yǔfǎ	NGỮ PHÁP	GRAMMAR
五、练习	Liànxí	BÀI TẬP	EXERCISES
六、写汉字	XiěHànzì	VIẾT CHỮ HÁN	LEARN TO WRITE

Chúng tôi xin trình bày mục lục của từng bài với các phần: **CHÚ THÍCH/ NGỮ ÂM/ NGỮ PHÁP** bằng 3 thứ tiếng: Trung-Anh-Việt.

第一课	Bài 1	Lesson 1	135
-----	-------	----------	-----

注释	Zhùshì	<u>CHÚ THÍCH</u>	NOTES
----	--------	------------------	-------

- | | | |
|-----------|--------------------------------|---------------------------|
| 1. 中国人的姓名 | Họ tên của người
Trung Quốc | Chinese personal
names |
| 2. 问候语 | Những lời chào hỏi | Greetings |

三、语音	Yúyīn	<u>NGŨ ÂM</u>	PHONETICS
------	-------	----------------------	------------------

- | | | |
|--------------|--|---|
| 1. 汉语音节的基本结构 | Cấu trúc cơ bản của
âm tiết tiếng Hán | The basic structure of
Chinese syllables |
| 2. 声调 | Thanh điệu | Tones |
| 3. 声调符号的标法 | Cách viết thanh điệu | The way to write the
tone-marks |

第二课	Bài 2	Lesson 2	146
-----	-------	----------	-----

三、语音	Yúyīn	<u>NGŨ ÂM</u>	PHONETICS
------	-------	----------------------	------------------

- | | | |
|-----------|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1. 轻声 | Khinh thanh (Thanh nhẹ) | The Neutral tone |
| 2. 第三声+轻声 | Thanh 3 + Thanh nhẹ (Khinh thanh) | The 3rd tone +
the neutral tone |

第三课	Bài 3	Lesson 3	152
-----	-------	----------	-----

三、语音	Yúyīn	<u>NGŨ ÂM</u>	PHONETICS
------	-------	----------------------	------------------

- | | | |
|------------------------------|--|---|
| 1. 复合韵母 ai, ei, ao, ou 的发音特点 | Đặc điểm phát âm của vận mẫu kép ai, ei, ao, ou. | Pronunciation characteristics of the compound finals ai, ei, ao, ou |
| 2. 复合韵母 -iu, -ui 的发音特点 | Đặc điểm phát âm của vận mẫu kép -iu, -ui. | Pronunciation characteristics of the compound finals -iu, -ui. |
| 3. 鼻韵母 -ong 的发音 | Cách phát âm của vận mẫu mũi -ong | The nasal finals -ong |

- | | | | |
|----|------|--------------------------|--|
| 4. | 半三声 | Nửa thanh 3 | The half-third tone |
| 5. | 三声连读 | Hai thanh 3 kế tiếp nhau | The third tone syllables in succession |

四、语法

Yǔfǎ NGŨ PHÁP GRAMMAR

- | | | | |
|----|----------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1. | 主语和谓语 | Chủ ngữ và vị ngữ | Subject and predicate |
| 2. | 疑问代词“谁” | Đại từ nghi vấn
“谁” | The interrogative
pronoun shéi |
| 3. | 用“吗”的疑问句 | Câu hỏi sử dụng từ
“吗” | Questions using “ma” |
| 4. | 人称代词作定语
(1) | Đại từ nhân xưng làm
định ngữ (1) | Personal pronoun as
attribute (1) |

第四课 Bài 4 Lesson 4	164
--------------------------	-----

注释

Zhùshì CHÚ THÍCH NOTES

- | | | |
|----|---------|---------------------------------|
| 1. | 张老师，常大夫 | Thầy giáo Trương, Bác sĩ Thường |
| 2. | 你上哪儿？ | Bạn đi đâu thế? |

三、语音

Yǔyīn NGŨ ÂM PHONETICS

- | | | | |
|----|--|---|---|
| 1. | 复合韵母
-ua, -uo 和鼻韵
母 -uan, -ian 的
发音特点 | Đặc điểm phát
âm của vận mẫu
kép -ua, -uo và
vận mẫu mũi -
uan, và -ian | Pronunciation characteristics
of the compound finals -ua
and -uo and the nasal
compound finals -uan and -
ian |
| 2. | 儿化韵 | Vấn cuốn lưỡi | Retroflex finals |

四、语法

Yǔfǎ NGŨ PHÁP GRAMMAR

疑问代词
“哪儿”

Đại từ nghi vấn
“nǎr 哪儿”

The interrogative pronoun
nǎr 哪儿

第五课 Bài 5 Lesson 5 176

三、语音

Yǔyīn

NGŨ ÂM

PHONETICS

* 否定副词“不”
的变调

Sự biến đổi thanh
điều của phó từ
phủ định “不”

The tone-change of the
negative adverb “不”

四、语法

Yǔfǎ

NGŨ PHÁP

GRAMMAR

1. 副词“不”和
“也”

Các phó từ “不” và
“也”

Adverb bù “不” and
yě “也”

2. 疑问代词
“什么”

Đại từ nghi vấn
shénme “什么”

The interrogative pronoun
shénme “什么”

第六课 Bài 6 Lesson 6 187

注释

Zhùshì

CHÚ THÍCH

NOTES

* 谢谢

Cảm ơn (anh, chị, bạn...)

Thank you

三、语音

Yǔyīn

NGŨ ÂM

PHONETICS

* 复合韵母 -ie

Vận mẫu kép -ie

The compound final -ie

四、语法

Yǔfǎ

NGŨ PHÁP

GRAMMAR

* 结构助词
“的”

Trợ từ kết cấu “的”

The structural particle
de (的)